

BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. Chọn câu trả lời đúng để điền vào những chỗ trống trong đoạn văn sau:
 Về cách gieo vần thông thường của một cặp câu lục bát, tiếng thứ (1) của dòng lục vần với tiếng thứ (2)..... của dòng bát kế nó, tiếng thứ (3)..... dòng bát vần với tiếng thứ (4)..... của dòng lục tiếp theo.
 - a. (1) sáu – (2) tư – (3) tám – (4) sáu
 - b. (1) sáu – (2) tám – (3) sáu – (4) sáu
 - c. (1) sáu – (2) sáu – (3) tám – (4) sáu
 - d. (1) sáu – (2) tư – (3) tám – (4) sáu

2. Em hãy hoàn chỉnh câu văn sau:
 Thơ lục bát là thể thơ, một cặp câu lục bát gồm có một dòng và một dòng

3. Trong một câu thơ lục bát, các tiếng nào sau đây phải tuân thủ quy định chặt chẽ về cách phối hợp thanh điệu?
 - a. Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7
 - b. Các tiếng ở vị trí 2, 4, 6
 - c. Các tiếng ở vị trí 6, 8
 - d. Các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8

4. Dựa vào hiểu biết của em về cách gieo vần, luật bằng trắc và ngắt nhịp trong thơ lục bát, hãy xác định những VB sau có phải được viết theo thể thơ lục bát không. Hãy lí giải.
 - a. *Công đâu công uổng, công thừa,
 Công đâu gánh nước tưới dìa Tam Quan.
 Công đâu, công uổng, công hoang,
 Công đâu gánh nước Tam Quan tưới dìa.*

- b. *Bến Tre giàu mía Mỏ Cà*
Giàu nghêu Thạnh Phú, giàu xoài Cái Môn
Bến Tre biển cá, sông tôm,
Ba Tri muối mặn, Giồng Trôm lúa vàng.

(Theo Nguyễn Quốc Tuý, Trần Gia Linh, *Tục ngữ – Ca dao – Dân ca chọn lọc*, NXB Giáo dục, 1993)

5. Dựa vào mô hình sau, em hãy xác định thanh điệu, vần điệu của hai câu lục bát:

Muốn ăn bông súng cá kho
Thì về Đồng Tháp ăn cho đã thèm.

(Tập san Khoa học Xã hội, số 05, 1998)

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục		Thanh:		Thanh:		Thanh:		
Bát						Thanh:		Thanh:
						Vần:		Vần:

6. Đọc bài thơ sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi.

Ngọt làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*, theo Nguyễn Khắc Phi (TCB), *Ngữ văn 8, tập một*, NXB Giáo dục)

a. Tác giả có thể thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình một cách gián tiếp hoặc trực tiếp đối với sự vật, hiện tượng được miêu tả trong VB. Trong hai khổ thơ trên, khổ thơ nào thể hiện tình cảm gián tiếp và khổ nào thể hiện tình cảm trực tiếp của Tố Hữu? Dựa vào đâu mà em có nhận xét như vậy?

b. Theo em, nét độc đáo của hình ảnh “ngọt dần” là gì?

7. Đọc các VB sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

(1) *Bông sen mùa hạ nở hồng*

Dầu bìn, dầu cặn mà lòng vẫn thơm¹.

(Theo Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp, *Thơ văn Đồng Tháp, tập 1 (Trước 1945)*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1986)

(2) *Quê em hai dải cù lao,*

Có dứa ăn trái, có cau ăn trầu

Quê anh có cửa biển sâu

Có ruộng lấy muối, có dâu nuôi tằm.

(Theo Nguyễn Quốc Tuý, Trần Gia Linh, Sdd)

(3) *Đứng bên ni² đồng, ngó bên tê³ đồng, mệnh mông bát ngát,*

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mệnh mông.

Thân em như chẻn lúa đòng đòng⁴,

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

(Theo *Ngữ văn 7, tập một*, Nguyễn Khắc Phi (TCB), NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

(4) *Sông Tô⁵ một dải lượn vòng*

Ấy nơi liệt nữ anh hùng giáng sinh

¹ Câu hát về xã Mỹ Hoà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

² Ni (tiếng địa phương miền Trung): này.

³ Tê (tiếng địa phương miền Trung): kia.

⁴ Lúa đòng đòng: lúa sắp trở bông.

⁵ Sông Tô: sông Tô Lịch.

Sông Hồng uốn khúc chảy quanh

Giai nhân tài tử lừng danh trong ngoài.

(Theo Kho tàng Ca dao người Việt, Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (Chủ biên), tập 3 (từ NH đến Y), NXB Văn hoá – thông tin, Hà Nội, 1995)

- Xác định vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua những VB trên và lí giải.
- Chỉ ra một nét độc đáo trong mỗi VB trên và cho biết vì sao đó lại là nét độc đáo của VB.

II. TIẾNG VIỆT

- Nối cột A (thứ tự thực hiện) với cột B (nội dung thao tác) để xác định các thao tác lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết.

A (Thứ tự thực hiện)	B (Nội dung thao tác)
1	a. Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.
2	b. Xác định nội dung cần diễn đạt.
3	c. Cân nhắc khả năng kết hợp hài hoà giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn.

- Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau và giải thích lí do lựa chọn:
 - Đề điều trị căn bệnh này, đó là loại thuốc (*hiệu quả/ hiệu nghiệm*) nhất.
 - Đi học muộn là (*nhược điểm/ khuyết điểm*) của học sinh ấy.
 - Cô bé ấy có làn da (*trắng nõn/ trắng tinh*) và một mái tóc dài óng ả.
- Hãy lí giải vì sao trong câu văn sau “Càng đồ gần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện” (Đoàn Giỏi, *Sông nước Cà Mau*), tác giả không dùng từ “san sát” mà lại dùng từ “chi chít”.

4. Trong cặp câu lục bát sau, vì sao Tố Hữu không dùng “ve kêu” mà lại dùng “ve ngân” và không dùng “nắng vàng” mà lại dùng “nắng đào”?

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.*

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*)

5. Cho đoạn thơ sau:

*Dẻo thơm hạt gạo quê hương
Có cả “năm nắng mười sương” người trồng
Tùng bông rồi lại tùng bông
Trữ công như dáng lưng còng mẹ ta.*

(Trần Đức Đủ, *Hương lúa quê ta*)

- a. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.
- b. Vì sao tác giả chọn dùng “trữ công” mà lại không dùng “nặng công” dù vẫn đảm bảo quy tắc phù hợp về thanh điệu trong câu bát?
6. Theo em, từ “trăm” và “nghìn” trong những câu thơ sau nên được hiểu như thế nào?

*Đất trăm nghề của trăm vùng
Khách phương xa tới lạ lùng tìm xem
Tay người như có phép tiên
Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Nguyễn Đình Thi, *Bài thơ Hắc Hải* (1955 – 1958),
Tuyển thơ Nguyễn Đình Thi, NXB Văn học, 2001)

III. VIẾT NGẮN

Trong SGK có yêu cầu “Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem”.

Em hãy:

- Chọn một từ ngữ trong đoạn văn mà em cho là có thể diễn tả tốt nhất ý tưởng của mình. Lí giải vì sao chọn từ ngữ đó.
- Chọn một từ ngữ trong đoạn văn mà em cho là chưa diễn tả tốt nhất ý tưởng của mình. Thay bằng từ ngữ khác.

IV. VIẾT

Viết một đoạn văn khoảng 150 chữ, trình bày cảm xúc của em về bài ca dao sau:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

V. NÓI VÀ NGHE

Nếu có một người bạn nước ngoài muốn tìm hiểu về thể thơ lục bát, em sẽ nói gì với bạn ấy?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

I. ĐỌC

1. c. (1) sáu – (2) sáu – (3) tám – (4) sáu

2. Câu văn hoàn chỉnh được gợi ý như sau:

Thơ lục bát là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam, một cặp câu lục bát gồm một dòng lục và một dòng bát.

3. d. các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8

4. Trong bài tập này, các VB đều được viết theo thể thơ lục bát vì chúng tuân thủ nguyên tắc gieo vần, luật bằng trắc, cách phối thanh và ngắt nhịp của thơ lục bát. HS cần phân tích sự thể hiện của các đặc điểm ấy trong các VB để giải thích, ví dụ đối với VB sau:

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu								
Lục		Thanh:		Thanh:		Thanh:		
						Vần:		

Bát		Thanh:		Thanh:		Thanh:		Thanh:
						Vần:		Vần:
Lục		Thanh:		Thanh:		Thanh:		
						Vần:		
Bát		Thanh:		Thanh:		Thanh:		
						Vần:		

Cách ngắt nhịp: nhịp chẵn.

5. Làm tương tự bài tập 4.

6. a. Đoạn thơ mà tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách gián tiếp: “Khi con tu hú gọi bầy... Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”. Qua việc tác giả sử dụng những từ ngữ, hình ảnh miêu tả bức tranh thiên nhiên mùa hè, người đọc có thể cảm nhận được tâm trạng nao nức của tác giả khi nghe được những thanh âm đặc trưng của mùa hè.

– Đoạn thơ mà tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách trực tiếp: “Ta nghe hè dậy bên lòng... Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”. Trong đoạn thơ có sử dụng một số từ ngữ trực tiếp miêu tả cảm xúc của tác giả “ngọt”, “chết uất thôi” và những từ ngữ, câu cảm thán như “hè ôi”, “Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”. Thế giới trong căn phòng giam chật chội đối lập với không gian ngồn ngộn sức sống ở bên ngoài phòng giam. Vì vậy, tác giả cảm nhận rất rõ cái không gian bên trong phòng giam ấy ngọt ngào. Trong hoàn cảnh đó, tiếng chim tu hú từ bên ngoài vọng vào phòng giam càng khiến cho không gian ấy trở nên ngọt ngào, bức bối. Đến nỗi người trong tù phải cất lên tiếng kêu và thể hiện khao khát hành động đập phá, tháo cũi, sổ lồng.

b. Hình ảnh “ngọt dần” gợi được cảm nhận về bước đi của mùa hè. Mùa hè của kí ức đã sống dậy trong tâm trí của nhà thơ với những đặc trưng về âm thanh, màu sắc, hương vị.

7. a. – Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (1) là vẻ đẹp về cảnh sắc và con người. Hình ảnh “bông sen mùa hạ” được sử dụng trong bài ca dao có thể được hiểu là cảnh sắc tiêu biểu của quê hương Đồng Tháp nhưng cũng có thể hiểu đó là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho vẻ đẹp của con người quê hương “dầu bòn, dầu cặn” nhưng vẫn giữ được tấm lòng thơm thảo giữa cuộc đời.

– Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (2) là vẻ đẹp về cảnh sắc (“hai dải cù lao”, “cửa biển sâu”) và sản vật (“dừa ăn trái”, “cau ăn trầu”, “ruộng lấy muối”, “dâu nuôi tằm”). Tất cả những hình ảnh được nhắc đến trong bài ca dao gợi sự phong phú, giàu có của quê hương.

– Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (3) là vẻ đẹp về con người quê hương (“Thân em như chến lúa đòng đòng/ Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”). Hình ảnh so sánh được sử dụng cho thấy được vẻ đẹp tràn đầy sức sống, trẻ trung, đầy sự tự tin, lạc quan của con người quê hương.

– Vẻ đẹp quê hương được thể hiện qua bài ca dao (4) là vẻ đẹp về cảnh sắc (“Sông Tô một dải lượn vòng”, “Sông Hồng uốn khúc chảy quanh”) và con người (“Ấy nơi liệt nữ anh hùng giáng sinh”, “Giai nhân tài tử lừng danh trong ngoài”). Những hình ảnh như “một dải lượn vòng”, “uốn khúc chảy quanh” gợi liên tưởng đến cảnh sắc trữ tình, đường cong mềm mại, uốn lượn, nên thơ của những dòng sông quê hương (sông Tô, sông Hồng). Còn những hình ảnh như “liệt nữ”, “giai nhân” nhắc nhở đến những con người oanh liệt, tuyệt sắc, tài giỏi của quê hương.

b. HS có thể chọn và chỉ ra một nét độc đáo trong mỗi VB trên (có thể là nét độc đáo về cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ hoặc biện pháp nghệ thuật được sử dụng để chuyển tải giá trị nội dung của VB) và lí giải vì sao lại xem đó là nét độc đáo của VB. HS có thể sử dụng bảng sau để hoàn thành câu hỏi này:

Bài ca dao	Nét độc đáo	Lí giải
1		
2		
3		
4		

II. TIẾNG VIỆT

1. 1.b – 2.a – 3.c

2. a. *Hiệu nghiệm*, vì:

– *Hiệu nghiệm*: Công hiệu, kết quả thấy rõ, thường dùng trong kết hợp *vi thuốc hiệu nghiệm*.

– *Hiệu quả*: kết quả thực của việc làm mang lại.

b. *Khuyết điểm*, vì:

– *Nhược điểm*: chỗ kém, chỗ yếu.

– *Khuyết điểm*: điều thiếu sót, điều sai trong hành động, suy nghĩ hoặc tư cách.

Trong ngữ cảnh của câu văn, “đi học muộn” là sự thiếu sót trong hành động của “em học sinh ấy” nên từ “khuyết điểm” được lựa chọn.

c. *Trắng nõn*, vì:

– *Trắng nõn*: trắng mịn và mượt, trông mềm mại và tươi đẹp, thường được dùng để miêu tả nước da của người.

– *Trắng tinh*: rất trắng và đều một màu, gây cảm giác rất sạch.

3. Trong câu văn sau “Càng đồ gần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện” (Đoàn Giỏi, *Sông nước Cà Mau*), tác giả không dùng từ “san sát” mà dùng từ “chi chít” vì:

– *San sát*: nhiều và liền sát vào nhau, như không còn có khe hở, thường dùng để miêu tả nhà cửa, thuyền bè,...

– *Chi chít*: (vật nhỏ) rất nhiều và cái này sát cái kia, hầu như không còn chỗ trống, chỗ hở.

Vì từ “san sát” không phù hợp với việc miêu tả kênh rạch (vốn là những sự vật nhỏ hơn nhà cửa, thuyền bè) nên tác giả đã dùng từ “chi chít” để miêu tả.

4. Trong cặp câu lục bát sau:

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*)

Tố Hữu không dùng “ve kêu” mà dùng “ve ngân” vì từ “ngân” gợi được sự liên tưởng âm thanh tiếng ve vang lên như những khúc nhạc du dương, ngân nga đặc trưng của mùa hè. Còn từ “đào” trong “nắng đào” gợi được màu tươi thắm, vàng rực rỡ của nắng hè, sắc nắng khác hẳn với nắng thu và nắng xuân. Đó là lí do vì sao tác giả không dùng “nắng vàng” mà lại dùng “nắng đào”.

5. a. Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên là ẩn dụ (“năm nắng mười sương”) và so sánh (“Trấu cong như dáng lưng còng mẹ ta”). Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho những nhọc nhằn, vất vả để làm ra hạt gạo của người nông dân, còn hình ảnh so sánh vừa giúp cho việc diễn đạt sinh động, gợi hình vừa giúp tác giả thể hiện được niềm cảm thương sâu sắc và sự trân trọng, yêu thương với những thành quả lao động của người nông dân.

b. Trong câu thơ “Trấu cong như dáng lưng còng mẹ ta”, tác giả chọn “trấu cong” mà không dùng “nặng cong” dù vẫn đảm bảo quy tắc phù hợp về thanh điệu trong câu bát vì “trấu cong” gợi được dáng cong và độ sai trấu của từng bông lúa. Còn “nặng cong” dường như chỉ gợi được sức nặng, dáng cong của từng bông lúa nhưng không thể hiện rõ sức nặng ấy là do sai trấu mà nên. Vậy nên “trấu cong” vẫn miêu tả được trọn vẹn, rõ ràng hơn dụng ý nghệ thuật của tác giả đoạn thơ.

6. Từ “trăm” và “nghìn” trong những câu thơ này nên được hiểu theo nghĩa tượng trưng, ý nói rất nhiều, chứ không nên hiểu theo nghĩa số đếm cụ thể.

III. VIẾT NGẮN

a. Em có thể điền vào bảng sau:

Từ ngữ	Lí giải

b. Em có thể điền vào bảng sau:

Từ ngữ	Thay bằng từ ngữ khác

IV. VIẾT

HS có thể tự thực hiện bài viết theo các bước gợi ý trong SGK phần Viết bài *Về đẹp quê hương*. Gợi ý như sau:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

– Xác định đề tài bằng cách trả lời những câu hỏi như: Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? Kiểu bài nào? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu?

– Thu thập tư liệu bằng cách xác định những thông tin cần tìm và tìm những thông tin ấy ở đâu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách:

- Đọc diễn cảm bài ca dao vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của bài ca dao và xác định những cảm xúc mà VB đã gợi cho em.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà bài ca dao đã sử dụng.

- Xác định chủ đề của bài ca dao.

- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.

- Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.

– Lập dàn ý: Hãy sắp xếp những ý đã nêu thành dàn ý của đoạn văn theo mẫu gợi ý trong SGK.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Dựa vào bảng kiểm trong SGK.

V. NÓI VÀ NGHE

HS thực hiện bài nói và nghe theo trình tự các bước gợi ý sau:

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

- Mục đích nói là gì?

- Người nghe là ai?

- Đề tài bài nói là gì?

- Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Tìm ý bằng cách xem lại đặc điểm của thể thơ lục bát trong SGK.
- Liệt kê các ý chính cần nói dưới dạng những gạch đầu dòng hoặc cụm từ.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi giới thiệu về thể thơ lục bát, em cần:

- Giới thiệu rõ tên thể thơ.
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc những đặc điểm của thể thơ lục bát.
- Nêu một số câu thơ, bài thơ lục bát để làm minh chứng.
- Lựa chọn, điều chỉnh một số từ ngữ, câu văn sao cho phù hợp với văn nói.
- Sử dụng cách xưng hô và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung nói.
- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp để thể hiện cảm xúc về bài thơ.
- Tương tác với người nghe bằng cách nhìn vào mắt họ, mời họ nêu câu hỏi,...

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

HS thực hiện việc trao đổi, đánh giá dựa vào bảng kiểm sau:

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Trình bày đầy đủ các đặc điểm của thơ lục bát về số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, sự phối hợp thanh điệu.	
Trình bày rõ các đặc điểm nói trên của thơ lục bát.	
Dùng bằng chứng cụ thể từ một số câu thơ, bài thơ lục bát để làm rõ những đặc điểm ấy.	
Sử dụng động tác, ánh mắt (ngôn ngữ hình thể) để góp phần thể hiện nội dung trình bày.	